

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-12-2021

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng,
chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hoàng Liên;

2. Ông Lý Trung Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 18-10-2021, về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-11-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phường Thị C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Kim Đ, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2021 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Phường Thị C trình bày:

Tôi và anh Lý Kim Đ được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1995, tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới tôi và anh Đ về sinh sống tại thôn K, xã Q, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Tôi và anh Đ chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 1997 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, mâu thuẫn càng tăng đỉnh điểm từ đầu năm 2020. Mâu thuẫn giữa tôi và anh Đ hai bên gia đình có biết, có hoà

giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Tôi và anh Đ đã sống ly thân mỗi người một nơi tháng 10 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, anh Đ chuyển lên lán ở, tôi ở nhà. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Lý Kim Đ.

Về con chung: Tôi và anh Lý Kim Đ có hai con chung là Lý Thị Y, sinh năm 1997 và Lý Văn Đ, sinh năm 1998, các con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và anh Đ có 01 thửa đất rừng sản xuất diện tích 17.087,0 m² tại thôn K, xã Q, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã được Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00096 ngày cấp 22/10/2010 mang tên hộ ông Lý Kim Đ, trên đất trước đây trồng quế và mới thu hoạch có trị giá 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng). Đề nghị Toà án chia đôi tài sản chung này. Các tài sản khác không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16 tháng 11 năm 2021, chị C có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung để chị và anh Đ tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 11 năm 2021, anh Lý Kim Đ trình bày: Tôi và chị Phụng Thị C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn K, xã Q, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống đến khoảng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị C đi làm ăn xa, có quen biết người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã. Tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị C có đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với tôi, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Tôi và chị C có hai con chung Lý Thị Y, sinh năm 1997 và Lý Văn Đ, sinh năm 1998, các con đã trưởng thành tôi không yêu cầu Toà án giải quyết; Về tài sản chung: Tôi và chị C có 01 thửa đất rừng sản xuất diện tích 17.087,0 m² tại thôn K, xã Q, huyện VY, tỉnh Yên Bái, đã được Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00096 ngày cấp 22/10/2010 mang tên hộ ông Lý Kim Đ, trên đất trước đây trồng quế nhưng mới thu hoạch. Tôi đề nghị tôi và chị C tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Lý Kim Đ khai đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh không đến Toà án làm việc và anh đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc của Toà án. Toà án đưa vụ án ra xét xử anh đề nghị xét xử vắng mặt anh; về tài sản chung: Anh đề nghị anh và chị C tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 15/11/2021, Trưởng thôn K, xã Q, huyện VY cho biết: Anh Lý Kim Đ và chị Phường Thị C đăng ký thường trú tại thôn K, xã QM, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Anh Đ và chị C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh Đ và chị C thường xảy bất đồng, mâu thuẫn, cãi vã chị C có báo cáo Thôn để hoà giải nhưng không thành. Chị C và anh Đ đã sống ly thân mỗi người một nơi. Chị C đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị C và anh Đ có hai con chung, các con đã trưởng thành; Về tài sản chung: Chị C và anh Đ đã phân chia, theo ông còn một mảnh đất rừng. Anh Đ đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Toà án nhưng anh Đ không đến Toà án để làm việc.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 3, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phường Thị C và anh Lý Kim Đ; Về con chung: Có hai con chung, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Chị C đã rút yêu cầu chia tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị C; nợ chung: Chị C và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phường Thị C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Lý Kim Đ Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lý Kim Đ đề nghị Tòa án xét xử

vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lý Kim Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phường Thị C và anh Lý Kim Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi chị C và anh Đ sinh sống xác nhận anh chị không đăng ký kết hôn tại xã (bút lục 04). Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Chị C và anh Đ chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Đ của chị C là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, xử không công nhận chị Phường Thị C và anh Lý Kim Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Phường Thị C và anh Lý Kim Đ có hai con chung là Lý Thị Y, sinh năm 1997 và Lý Văn Đ, sinh năm 1998, các con đã trưởng thành. Chị C và anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2021, chị Phường Thị C yêu cầu Toà án chia tài sản chung. Ngày 16 tháng 11 năm 2021 chị C có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung để chị và anh Đ tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết. Việc chị C rút yêu cầu chia tài sản chung là quyền của nguyên đơn được quy định tại khoản 2 Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị C về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Chị C, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Phường Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung, chị C đã rút yêu cầu trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội trả lại chị C số tiền tạm ứng án phí chia tài sản mà chị C đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 71, các Điều 147, Điều 217, 218, 228, 235, 266; 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phường Thị C và anh Lý Kim Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai con chung Lý Thị Y, sinh năm 1997 và Lý Văn Đ, sinh năm 1998, các con đã trưởng thành, chị C và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu về việc chia tài sản chung giữa chị Phường Thị C và anh Lý Kim Đ.

4. Về nợ chung: Chị Phường Thị C và anh Lý Kim Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phường Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001277 ngày 18-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phường Thị C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0001277 ngày 18-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phường Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND huyện Văn Yên;
- Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Q; Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương